

Bản án số: 107/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Hữu Linh.

- Ông Hoàng Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2022/TLST - DS, ngày 09 tháng 11 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1984; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt; ông Trần Văn T, sinh năm 1977; có mặt; cùng địa chỉ: Thôn 7, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Tôi và bà T có quan hệ quen biết, vay tiền với nhau; ngày 04/8/2018 tôi cho vay 15.000.000 đồng, ngày 25/1/2019 cho vay 55.000.000 đồng hạn đến tháng 04/2019 trả, bà T ký vào sổ của tôi. Khi đi vay tiền chỉ có bà T đi giao dịch. Bà T nói vay về trả ngân hàng.

Do đến hạn trả nợ mà bà T không trả, tôi đòi nhiều lần thì ông Trần Văn T là chồng bà T đến nhận nợ, tôi tính gốc 70.000.000 đồng, cộng thêm tiền lãi nữa là 97.260.000 đồng, ghi giấy mượn tiền đề ngày 01/12/2019 ông T ký.

Nay tôi yêu cầu trả số nợ 97.260.000 đồng; thời gian trả ½ nợ gốc và lãi suất vào 30/12/2022 và ½ còn lãi và lãi suất trả vào 30/6/2023, còn lãi suất thì yêu cầu trả theo lãi suất ngân hàng.

Về án phí dân sự vợ chồng bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, còn bà H chỉ quen biết với nhau. Gia đình tôi có canh tác rẫy cà phê diện tích 01 ha, vợ ở nhà làm rẫy, còn tôi làm thợ xây, lúc chạy xe thuê nên thường không có mặt ở nhà.

Vào thời gian cuối năm 2019 tôi có biết vợ tôi (T) đang bị bà H đòi nợ, bà đe dọa vợ tôi, bà H có gọi tôi đến nhà bà H để nói chuyện về việc nợ này, tôi có đến nhà bà H thì bà Hồng đã viết giấy sẵn nói tôi ký vào, thì tôi cầm bút ký vào giấy, tôi không đọc nội dung giấy, chỉ chụp lại hình tờ giấy trên về nhà đọc lại thì biết nợ 97.260.000 đồng. Tôi không có nói gì với vợ về việc nợ trên.

Đến khi Tòa án thụ lý giao thông báo thụ lý vụ án thì tôi mới gọi cho vợ về giải quyết vụ việc nêu trên. Nay bà H yêu cầu vợ chồng tôi trả 97.260.000 đồng, tôi không chấp trả vì tôi không biết số tiền gốc, tiền lãi cụ thể là bao nhiêu. Theo ý kiến của tôi, vợ tôi nói chỉ nợ gốc 55.000.000 đồng, mục đích là vay về đầu tư rẫy cà phê, nên chấp nhận, còn lại không chấp nhận.

Trước khi tôi ký giấy mượn tiền ngày 01/12/2019 vợ chồng bà H nói với tôi là “vợ tôi (T) nợ 55.000.000 đồng, do không trả nên tính lãi nữa nên viết giấy mượn tiền”, lúc này chỉ nghĩ ký cho xong chứ không có mượn, không bị ép buộc. Chỉ chấp nhận trả 55.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ, còn lãi suất thì xin trả theo lãi suất ngân hàng.

Về án phí dân sự tôi chấp nhận chịu án phí dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Tôi và Trần Văn T là vợ chồng, còn bà H chỉ quen biết với nhau và tôi có vay tiền bà H. Gia đình tôi có canh tác rẫy cà phê diện tích 01 ha, tôi ở nhà làm rẫy, còn chồng tôi làm thợ xây, lúc chạy xe thuê nên thường không có mặt ở nhà.

Tôi có vay tiền của bà H nhiều lần, mỗi lần vay đều ghi vào sổ của bà , và ký nhận. Ngày 04/8/2018 vay 15.000.000 đồng, đã trả nhưng bà H chưa gạch, trả không có chứng cứ gì cung cấp cả, chỉ nói miệng với nhau thôi.

Ngày 25/01/2019 chốt nợ thì tôi còn nợ bà H 55.000.000 đồng, tôi ký vào sổ bà H. Khi đi vay tiền bà H chỉ có tôi đi giao dịch. Nay bà H yêu cầu vợ chồng tôi trả 97.260.000 đồng, tôi không chấp trả vì giấy vay đề ngày 01/12/2019 chồng tôi ký, tôi không biết việc nợ này. Theo tôi, tôi chỉ nợ 55.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ, còn lãi suất thì xin trả theo lãi suất ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, cần buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị T trả cho bà Võ Thị H 70.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Võ Thị H với bị đơn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, khi khởi kiện yêu cầu số nợ gốc là 97.260.000 đồng, nay yêu cầu trả số nợ gốc 70.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 4 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật, nên cần chấp nhận.

Sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn bà T đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Bà H với bà T có quan hệ vay tiền với nhau: Ngày 04/8/2018, bà H cho bà T vay số tiền 15.000.000 đồng; ngày 25/01/2019, bà H tiếp tục cho bà T vay 55.000.000 đồng hạn đến tháng 04/2019 trả, đến ngày 01/12/2019 bà H yêu cầu trả nợ nhưng bà T không trả, nên bà H có chót nợ với ông T. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T bà T không trả nên bà H khởi kiện yêu cầu trả nợ.

[2.1] Đối với hợp đồng vay ngày 04/8/2018, bà T thừa nhận có vay 15.000.000 đồng, nhưng cho rằng đã trả; đối với hợp đồng vay ngày 25/01/2019, bà T cho rằng có vay thêm tiền và chót nợ với bà H thì còn nợ là 55.000.000 đồng, nhưng bà H không thừa nhận; mặt khác, bà T không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, nên không chấp nhận ý kiến của bà T.

Xét thấy, việc thiết lập hai hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ là phải trả tiền, đúng thời hạn đã thỏa thuận. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà H yêu cầu bà T trả nợ gốc 70.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với việc bà H yêu cầu ông Tùng có nghĩa vụ trả nợ: Quá trình làm việc và tại phiên tòa các đương sự cho rằng khi vay tiền ông T không tham gia. Tuy

nhiên, số tiền vay về là để phục vụ cho gia đình. Mặt khác, ông T cũng chấp nhận trả số nợ như bà T là 55.000.000 đồng; ông T cng ký vào giấy mượn tiền ngày 01/12/2019. Vì vậy, cần buộc ông T có nghĩa vụ cùng bà T trả nợ cho bà H.

[3] Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông T bà T xin được miễn tiền lãi nhưng bà H không đồng ý, các khoản nợ trên đã quá hạn trả nợ nên cần chấp yêu cầu về việc trả lãi của bà Hồng.

Đối với hợp đồng vay 15.000.000 đồng ngày 04/8/2018, các bên không thỏa thuận mức lãi suất và thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, các đương sự thừa nhận bà H đã yêu cầu vợ chồng ông T trả nợ nhiều lần, đến ngày 01/12/2019 thì ông T đến ký giấy mượn tiền thể hiện việc đòi nợ trên nên cần xác định thời điểm trả nợ cho khoản tiền 15.000.000 đồng là ngày 01/12/2019. Do vậy, khoản lãi suất đối với số nợ gốc 15.000.000 đồng tính từ ngày 02/12/2019 đến ngày xét xử 29/12/2022 là: $15.000.000 \text{ đồng} \times 37 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 4.606.500 \text{ đồng}$

Đối với hợp đồng vay 55.000.000 đồng ngày 25/01/2019, các bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ vào tháng 04/2019. Do vậy, khoản lãi suất đối với số nợ gốc 55.000.000 đồng tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử 29/12/2022 là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 0,83\% = 20.086.000 \text{ đồng}$

Như vậy, tổng cộng ông T bà T phải trả cho bà Hồng số tiền lãi là 24.692.500 đồng (tạm tính đến 29/12/2022).

[4] Về thời hạn trả nợ: Ông T bà T xin được trả nợ cho bà Hồng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ nhưng bà H không đồng ý. Mặt khác, các khoản nợ trên đã quá hạn, bà H yêu cầu ông bà T phải trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất khi bản án có hiệu lực pháp luật và $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi suất vào ngày 30/6/2023. Xét thấy yêu cầu thời hạn trả nợ của bà H có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự: Do yêu cầu của bà H là có căn cứ nên cần buộc ông T bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự cho bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 470; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị . Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà Võ Thị H số tiền 94.692.500 đồng (Chín mươi bốn triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng). Trong đó, nợ gốc là 70.000.000 đồng; nợ lãi là 24.692.500 đồng (tạm tính đến 29/12/2022).

Về thời hạn trả nợ: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà Võ Thị H số tiền 47.346.250 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật; ngày 30/6/2023 trả số tiền 47.346.250 đồng.

Kể từ ngày 30/12/2022 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện số nợ gốc là 27.260.000 đồng.

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 4.734.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm, ba mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Võ Thị H 2.431.500 đồng (Hai triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0010802, ngày 04/11/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị H và bị đơn ông Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa